

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH
KHOA TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ

PGS.TS. Võ Kim Sơn

THỐNG KÊ NHÂN SỰ
CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

(Giáo trình hệ cử nhân chuyên ngành
Tổ chức và quản lý nhân sự)

Hà nội - 2012

Mục lục:

THỐNG KÊ NHÂN SỰ CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	4
LỜI NÓI ĐẦU.	4
Mục tiêu của môn học	4
Chương I. TỔNG QUAN VỀ THỐNG KÊ	5
Mục đích:.....	5
Yêu cầu:	5
1. Những vấn đề chung về khoa học thống kê.....	5
1.2. Tổ chức hệ thống thống kê ở Việt Nam	9
1.3. Một số khái niệm được sử dụng trong thống kê	11
1.4. Thang đo trong thống kê	20
1.5. Các phương pháp trình bày số liệu thống kê	21
1.6. Điều tra thống kê.....	30
Tình huống nghiên cứu	33
Câu hỏi ôn tập chương 1:.....	33
Chương II: ĐIỀU TRA CHỌN MẪU VÀ SAI SỐ TRONG ĐIỀU TRA THỐNG KÊ.....	34
Mục tiêu:	34
Yêu cầu:	34
2.1. Điều tra và điều tra thống kê	34
2.2. Điều tra chọn mẫu	36
2.2.1. Tổng quan về điều tra chọn mẫu	36
2.2.2. Ưu điểm của phương pháp điều tra chọn mẫu	37
2.2.3. Hạn chế của phương pháp điều tra chọn mẫu	38
2.2.4. Điều kiện vận dụng của điều tra chọn mẫu:	38
2.3. Sai số trong điều tra thống kê	39
2.3.2. Sai số trong điều tra thống kê	40
Tình huống	48
Câu hỏi ôn tập.....	48
Chương III. TỔNG QUAN VỀ THỐNG KÊ NHÂN SỰ.....	49
Mục đích:.....	49
Yêu cầu	49
3.1. Tổng quan về thống kê nhân sự	49
3.2. Ý nghĩa của thống kê nhân sự tổ chức	53
3.3. Một số tiêu thức cần trong thống kê nhân sự tổ chức:	54
3.4. Một số vấn đề về thống kê nhân sự	55
Tình huống thảo luận:	57
Câu hỏi ôn tập:	57
Chương IV: CÁC PHƯƠNG PHÁP THỐNG KÊ THƯỜNG DÙNG TRONG THỐNG KÊ NHÂN SỰ TỔ CHỨC	58
Mục đích:.....	58
Yêu cầu:	58
4.1. Phương pháp số tương đối.....	59
4.2. Phương pháp số bình quân	66
4.3. Phương pháp dãy số biến thiên theo thời gian	73
4.4. Lượng tăng, giảm tuyệt đối.....	75
4.5. Tốc độ phát triển	77
4.6. Tốc độ tăng.....	78
4.7. Giá trị tuyệt đối của 1% gia tăng.....	80
4.8. Phương pháp chỉ số trong thống kê nhân sự	80
4.9. Phân tổ trong thống kê các vấn đề liên quan đến nguồn nhân lực	85
Tình huống	88
Câu hỏi ôn tập	89
Chương V. THỐNG KÊ NHÂN SỰ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC.....	90
Mục đích:.....	90
Yêu cầu:	90
5.1. Một số điểm cần chú ý về thống kê nhân sự trong hành chính nhà nước	90
5.2. Hệ thống các tiêu chí trong thống kê nhân sự hành chính nhà nước.....	93
5.2.2. Thống kê và phân tích thống kê số liệu liên quan đến số lượng lao động nói chung của cơ quan A	95

5.3..Hệ thống các tiêu chí chất lượng hay tiêu chí liên quan đến những yếu tố “chìm” của nguồn nhân lực tổ chức.	129
Tình huống thảo luận	152
Câu hỏi ôn tập	152
Chương VI. PHÂN TÍCH THỐNG KÊ NHÂN SỰ HÀNH CHÍNH	153
Mục đích:.....	153
Yêu cầu:	153
6.1.Phân tích thống kê	153
6.1.3.Nội dung của phân tích thống kê cấp độ 3:	160
6.2.Phân tích thống kê nhân sự dựa trên cơ sở dữ liệu đã thu thập	161
6.2.1. Phân tích thống kê về tăng lương và tăng tiến	162
6.2.2. Phân tích thống kê số lượng công chức.....	163
6.2.3. Phân tích thống kê theo ngạch	165
6.2.4. Phân tích nghỉ không có mặt nơi làm việc.	166
6.2.5. Phân tích thống kê về người khuyết tật làm việc cho cơ quan hành chính nhà nước	169
6.2.6. Phân tích cơ hội việc làm bình đẳng giữa các dân tộc.....	170
6.3. Phân tích thống kê nhân sự phục vụ cho hoạt động nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến nhân sự	172
Tình huống 1: Tỷ lệ được đào tạo nghề trong dân số độ tuổi lao động	175
Tình huống 2: Tai nạn và an toàn giao thông.....	176
Câu hỏi ôn tập.....	176
Chương VII. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG THỐNG KÊ NHÂN SỰ HÀNH CHÍNH	177
Mục đích:.....	177
Yêu cầu	177
7.1. Excell và sử dụng Excell để quản lý thống kê nhân sự hành chính	178
7.2. Sử dụng Access trong thống kê nhân sự hành chính	181
7.3. Phần mềm quản lý “ dữ liệu thống kê nhân sự tổ chức”	186
7.3.2.1. Quản lý nhân viên	189
Tình huống1:.....	192
Tình huống 2:.....	192
Câu hỏi ôn tập	192
Phụ lục 1: Thống kê nhân sự khoa học công nghệ của EU	193
Phụ lục 2: Một số tiêu chí thống kê nhân sự của Hồngkong	194
Phụ lục 3: Một số tiêu chí sử dụng ở Việt Nam.....	196
TÀI LIỆU THAM KHẢO:	199

THỐNG KÊ NHÂN SỰ CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

LỜI NÓI ĐẦU.

Quản lý nguồn nhân lực, con người trong mọi tổ chức là một trong những chức năng của quản lý (xem PODSCoBR). Tuy nhiên, đây cũng là một lĩnh vực khá phức tạp.

Nhiều tổ chức, nhận biết một cách cụ thể thực trạng nguồn nhân lực của tổ chức cũng là một vấn đề. Nhiều nước qua nghiên cứu, khảo sát rút ra được hiện tượng “danh sách nhân sự ma – Ghost list” tồn tại nhiều năm trong các cơ quan mà không được phát hiện.

Mặt khác, khi hoạch định các chính sách, chương trình phát triển mang tính chiến lược của tổ chức, các nhà quản lý thường thiếu những thông tin liên quan đến nguồn nhân lực của tổ chức.

Thống kê nguồn nhân lực tổ chức đã và đang được nhiều tổ chức quan tâm. Đặc biệt có nhiều chương trình phần mềm quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức lớn, nhỏ đã được các nhà công nghệ thông tin nghiên cứu, giới thiệu nhằm cung cấp cho các nhà quản lý nguồn nhân lực những công cụ hỗ trợ tích cực trong thống kê nhân sự các cơ quan hành chính nhà nước.

Mục tiêu của môn học

Sinh viên chuyên ngành tổ chức và quản lý nhân sự không có nhiều cơ hội để nghiên cứu những khía cạnh liên quan đến thống kê, do đó môn học này cố gắng để cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về thống kê và thống kê nhân sự (hành chính nhà nước).

Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có thể vận dụng vào hoạt động thống kê bước đầu đơn giản nhất. Trên cơ sở có kiến thức về quản lý nhân sự tổ chức kết hợp với các chuyên gia thống kê, có thể có được một cơ sở dữ liệu về nhân sự tổ chức hành chính nhà nước nhằm phục vụ cho hoạt động quản lý nhân sự.

Từ những kiến thức ban đầu, kết hợp với các phần mềm quản lý nguồn nhân lực, sinh viên có thể sử dụng các công cụ thống kê để cập nhật các số liệu liên quan.

Chương I. TỔNG QUAN VỀ THỐNG KÊ

Mục đích:

Phần này sẽ trình bày tóm lược các vấn đề liên quan đến thống kê trong hoạt động kinh tế - xã hội và vai trò của thống kê trong quản lý và quản lý nhà nước.

Yêu cầu:

Sau khi kết thúc chương 1, sinh viên cần hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan:

1. Tổng quan một số thông tin liên quan đến khoa học thống kê;
2. Có thể tập xây dựng một cơ sở dữ liệu thống kê hiện tượng kinh tế - xã hội nhỏ.

1. Những vấn đề chung về khoa học thống kê

1.1. Khái niệm thống kê

Thống kê là một hoạt động khá phổ biến trên nhiều lĩnh vực và ở nhiều tổ chức khác nhau. Mọi tổ chức đều tiến hành những hoạt động gọi chung là thống kê. Đồng thời các cơ quan quản lý nhà nước cũng tiến hành các hoạt động thống kê và cũng có thể gọi đó là thống kê nhà nước, mặc dù ít tài liệu phân biệt giữa thống kê do các tổ chức nhà nước tiến hành và các tổ chức khác. Thống kê liên quan đến:

- Thu thập dữ liệu;
- Thu thập thông tin về một vấn đề hoặc đối tượng nào đó
- Thông tin phân tích dựa trên số liệu;
- Những ước lượng hiện tại hoặc dự báo tương lai.

Có một số quan niệm về thống kê:

Cách thứ nhất: thống kê là các con số được ghi chép, phân tích phản ánh các hiện tượng tự nhiên, kỹ thuật, kinh tế và xã hội.

Cách thứ hai, thống kê được hiểu là hệ thống các phương pháp ghi chép, thu thập và phân tích các con số về những hiện tượng tự nhiên, kỹ thuật, kinh tế và xã hội để tìm hiểu bản chất và tìm quy luật vốn có của những hiện tượng ấy. Ví dụ, để biết được sự biến động của số lượng người lao động làm việc trong một tổ chức nói chung và trong một cơ quan nhà nước nói riêng (bộ, hay Ủy ban Nhân dân) cần có những số liệu cụ thể theo từng giai đoạn và bằng những phép phân tích cụ thể để có thể đưa ra kết luận sự tăng, giảm của nguồn nhân lực tổ chức đó.

Cách thứ ba, thống kê là khoa học về các phương pháp khác nhau nhằm thu thập, tổ chức, mô tả, phân tích và xử lý dữ liệu để chỉ ra những quy luật vận động của các hiện tượng tự nhiên, xã hội, kỹ thuật hay tổ chức. Sự tăng nhân sự của các tổ chức nhà nước trong nhiều giai đoạn qua hình như trở thành quy luật. Mặc dù, điều đó không phụ hợp với nhiều tổ chức khác.

Theo Luật thống kê của Việt Nam, hoạt động thống kê được hiểu là “... điều tra, báo cáo, tổng hợp, phân tích và công bố các thông tin phản ánh bản chất và tính quy luật của các hiện tượng kinh tế - xã hội trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể do tổ chức thống kê nhà nước tiến hành”^[1].

Theo cách tiếp cận này, thống kê và hoạt động thống kê lại chỉ là công việc của nhà nước. Điều này đã thu hẹp ý nghĩa của khoa học thống kê. Ví dụ, trên phương diện quản lý nguồn nhân lực của tổ chức, số liệu thống kê nhân sự được tất cả các tổ chức thu thập, xử lý, phân tích và sử dụng cho các chiến lược phát triển. Tổ chức càng quy mô, hoạt động thống kê lại càng được chú ý. Do đó, khi nghiên cứu thống kê nhân sự, sẽ không chỉ dừng lại thống kê nhân sự, nguồn nhân lực do các tổ chức của nhà nước tiến hành mà còn của mọi tổ chức khác.

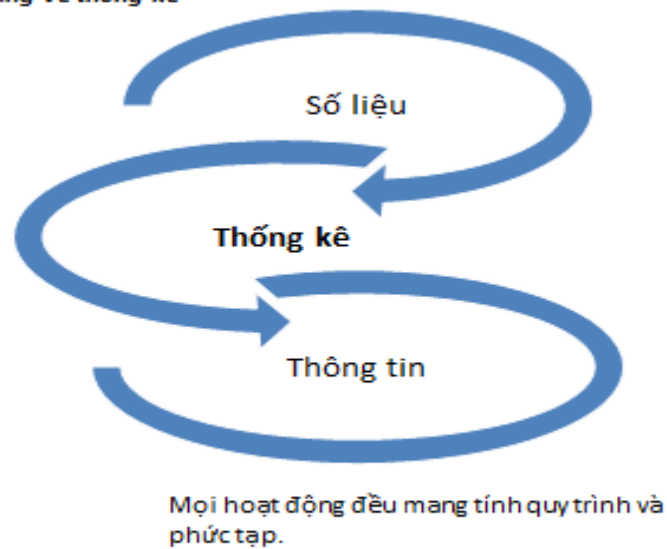
Dựa vào những cách tiếp cận, bao gồm cả cách tiếp cận của Luật thống kê Việt Nam, có thể hiểu thống kê là cách tiếp cận để nhận được những thông tin bổ ích, cần từ một tập hợp của các loại số liệu. Và cách hiểu này có thể được mô tả bằng sơ đồ 1.1.

¹ Điều 3 Luật thống kê (2003)

Sơ đồ 1.1: Tổng quan chung về thống kê

Dữ liệu (data):
sự kiện, số liệu
được thu thập
với ý chủ quan
được quy định
và thông tin

Thông tin là
những kiến
thức, những
hiểu biết được
phổ biến gần
liền với sự kiện
cụ thể.



Tuy nhiên, các cách quan niệm trên cũng chỉ mang tính tương đối. Ngày nay, thống kê với nhiều cách quan niệm trên xuất hiện ở trên tất cả các lĩnh vực. Không chỉ thống kê kinh tế - xã hội theo nghĩa rộng mà còn xảy ra trên nhiều lĩnh vực hẹp hơn. Ví dụ, các cuộc tham dò “đur luận xã hội về một chính khách cụ thể hay một hiện tượng kinh tế” đang trở nên phổ biến. Nhiều người nói rằng “xã hội loài người hiện nay đang bị dội bom về thống kê và các thông tin thống kê”. Điều đó nói lên rằng thống kê đang trở thành hiện tượng phổ biến.

Nghiên cứu thống kê đã và đang trở thành một ngành khoa học thực sự và cũng có thể coi đó là một nghệ thuật. Ngành khoa học thống kê được hiểu như là một ngành khoa học nghiên cứu hệ thống các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích các con số (mặt lượng) của những hiện tượng số lớn để tìm hiểu bản chất và tính quy luật vốn có của chúng (mặt chất) trong những điều kiện, địa điểm và thời gian cụ thể.

Mọi sự vật, hiện tượng và tổ chức đều giống như “đồng tiền”, luôn có tính hai mặt. Trong thống kê, tính hai mặt đó được thể hiện thành lượng và chất. Nghiên cứu khoa học thống kê đối với bất cứ lĩnh vực nào, hiện tượng hay tổ chức đều phải xem xét cả tính hai mặt: lượng và chất.

Thống kê như trên đã nêu là thu thập, xử lý và phân tích những số liệu (lượng) và từ đó có thể đoán, biết được bản chất của sự kiện, hiện tượng và bản chất của tổ chức.

Ví dụ, thống kê những tiêu chí liên quan đến tổ chức có thể chỉ ra được bản chất của tổ chức đó. Đó là tổ chức hoạt động vì lợi nhuận hay hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận.

Thống kê sự biến động thị trường tiêu thụ sản phẩm của một doanh nghiệp cũng cho thấy tính bền vững của thị trường hay không;

Thống kê nguồn nhân lực trong tổ chức cũng chỉ ra được có hay không có hiện tượng “chảy máu” chất xám của tổ chức.

Trong thống kê các vấn đề liên quan đến sự kiện, hiện tượng cũng như tổ chức, hai yếu tố lượng và chất gắn liền chặt chẽ với nhau tạo nên cặp “chất – lượng” đối với sự kiện, yếu tố của tổ chức.

Lượng phản ánh những yếu tố nổi của tổ chức. Trong khi đó, chất lại là những gì sâu kín bên trong của tổ chức đó. Và chỉ khi sử dụng nhiều công cụ khác nhau phân tích từ lượng, có thể cho ta thấy những vấn đề về chất.

Nhiều hiện tượng, qua phân tích lượng có thể dần chỉ ra những diễn biến mang tính quy luật. Nhưng không phải tổ chức nào cũng vận động theo những quy luật đó.

Về nguyên tắc, lượng có thể là yếu tố chung của nhiều tổ chức (số lượng người), nhưng chất lại là yếu tố thể hiện bản chất của chính tổ chức đó và phân biệt nó với các tổ chức khác.

Ví dụ: một cơ quan nhà nước có thể được xem theo nghĩa truyền thống nhiều yếu tố mang tính “lượng”. Số lượng người làm việc; số lượng người có bằng cấp. Nhưng khi phân tích sâu, chỉ tiết lại có thể rút ra những kết luận mang tính “chất” rất cụ thể. “vừa thừa, vừa thiếu “ thể hiện chất lượng bên trong của nguồn nhân lực tổ chức.

1.2. Tổ chức hệ thống thống kê ở Việt Nam

1.2.1. Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước

Hệ thống tổ chức thống kê nhà nước bao gồm hệ thống tổ chức thống kê tập trung, tổ chức thống kê bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Hệ thống tổ chức thống kê tập trung

Hệ thống tổ chức thống kê tập trung được tổ chức theo ngành dọc gồm cơ quan thống kê trung ương và các cơ quan thống kê địa phương: Tổng cục thống kê; Cục thống kê và các chi cục thống kê);

Thống kê bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

Thống kê xã, phường, thị trấn. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của xã, phường, thị trấn; thực hiện các cuộc điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê của Nhà nước.

Thống kê doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của chính tổ chức mình; đồng thời phải gửi báo cáo tài chính cho cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung; thực hiện các cuộc điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê của Nhà nước.

Người làm công tác thống kê bao gồm người làm công tác thống kê trong hệ thống tổ chức thống kê nhà nước, người làm thống kê ở xã, phường, thị trấn, người làm thống kê ở doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và người được trưng tập thực hiện điều tra thống kê.

1.2.2. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về thống kê

1.2.2.1. Hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về thống kê

Chính phủ: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thống kê.

Tổng cục thống kê: Cơ quan thống kê trung ương giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thuộc nội dung quản lý nhà nước về thống kê theo quy định của Chính phủ.

Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về thống kê trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về thống kê tại địa phương [2].

1.2.2.2. Nội dung quản lý nhà nước về thống kê

Luật thống kê các nước cũng như Việt Nam quy định cụ thể nội dung quản lý nhà nước về công tác thống kê. Theo Luật thống kê, nội dung quản lý nhà nước bao gồm:

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển công tác thống kê, hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, chương trình điều tra thống kê quốc gia;
- Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê;
- Phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê;
- Quản lý việc công bố thông tin thống kê;
- Xây dựng tổ chức thống kê, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê;
- Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động thống kê;
- Hợp tác quốc tế về thống kê;
- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thống kê, xử lý vi phạm pháp luật về thống kê;
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thống kê theo quy định của pháp luật.
- Khác.

² Luật thống kê năm 2003

1.3. Một số khái niệm được sử dụng trong thống kê

Để nghiên cứu thống kê, các nhà nghiên cứu đưa ra một số khái niệm mang tính chuyên ngành. Cần hiểu những khái niệm đó để sử dụng trong thống kê nhân sự nói riêng. Do tính chuyên ngành đặc biệt của thống kê, cần phân biệt những thuật ngữ ngành thống kê sử dụng với các cách sử dụng khác.

Một số thuật ngữ chuyên ngành thống kê:

- Hoạt động thống kê và thông tin thống kê ;
- Tổng thể thống kê;
- Đơn vị tổng thể thống kê;
- Tiêu chí và tiêu thức thống kê;
- Chỉ tiêu thống kê;
- Khác;

1.3.1. Hoạt động thống kê và thông tin thống kê

Hoạt động thống kê là điều tra, báo cáo, tổng hợp, phân tích và công bố các thông tin phản ánh bản chất và tính quy luật của các hiện tượng kinh tế - xã hội trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể do tổ chức thống kê nhà nước tiến hành.

Hoạt động thống kê là thu thập những thông tin định lượng về hiện tượng nghiên cứu trong điều kiện cụ thể, trên cơ sở đó phát hiện bản chất, quy luật phát triển của hiện tượng, giải quyết các vấn đề lý thuyết hoặc thực tiễn.

Hoạt động thống kê thường được chia thành hai loại: hoạt động thống kê nhà nước nhằm phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực có liên quan và hoạt động thống kê của các tổ chức, cá nhân không kể thuộc thành phần kinh tế nào nhằm phục vụ cho mục đích của các tổ chức và cá nhân đó. Ví dụ, một doanh nghiệp có thể tiến hành thống kê số lượng

hàng bán được theo từng tuần nhằm tìm ra quy luật riêng cho việc tiêu thụ loại sản phẩm của doanh nghiệp.

Ở Việt Nam, hoạt động thống kê nhà nước là điều tra, báo cáo, tổng hợp phân tích và công bố các thông tin phản ánh bản chất và tính quy luật của các hiện tượng kinh tế - xã hội trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể. Các hoạt động này do các cơ quan nhà nước chuyên trách về thống kê thực hiện trên cơ sở nguồn thông tin thống kê do tất cả các chủ thể hoạt động trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội cung cấp theo pháp luật quy định^[3].

Hoạt động thống kê phục vụ cho quản lý nhà nước phải tuân thủ một số quy định:

1. Bảo đảm tính trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời trong hoạt động thống kê;
2. Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê;
3. Thống nhất về chỉ tiêu, biểu mẫu, phương pháp tính, bảng phân loại, đơn vị đo lường, niên độ thống kê và bảo đảm tính so sánh quốc tế;
4. Không trùng lặp, chồng chéo giữa các cuộc điều tra thống kê, các chế độ báo cáo thống kê;
5. Công khai về phương pháp thống kê, công bố thông tin thống kê;
6. Bảo đảm quyền bình đẳng trong việc tiếp cận và sử dụng thông tin thống kê nhà nước đã được công bố công khai;
7. Những thông tin thống kê về từng tổ chức, cá nhân chỉ được sử dụng cho mục đích tổng hợp thống kê.

Thông tin thống kê là sản phẩm của hoạt động thống kê, bao gồm số liệu thống kê và bản phân tích các số liệu đó. Trong điều kiện của từng nước, pháp luật quy định về hệ thống thông tin thống kê.

Thông tin thống kê do hệ thống tổ chức thống kê tập trung trực tiếp thực hiện và tổng hợp từ thông tin thống kê do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý chung của Nhà nước;

³ Xem chi tiết Luật Thống kê (2003)

Thông tin thống kê do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu tổng hợp của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và yêu cầu quản lý, sử dụng của các cơ quan đó.

1.3.2. Tổng thể thống kê .

Trong thống kê, tổng thể thống kê là một khái niệm gắn liền với một sự kiện, một hiện tượng kinh tế xã hội bao gồm nhiều yếu tố cấu thành. Mặc dù, trong Luật thống kê, tổng thể thống kê không được sử dụng, những những số liệu liên quan đến ngành, lĩnh vực cũng được tiếp cận như là một tổng thể thống kê.

Tổng thể thống kê là hiện tượng kinh tế xã hội số lớn, gồm những đơn vị hoặc phân tử, hiện tượng cá biệt cần được quan sát, phân tích mặt lượng của chúng để tìm hiểu bản chất và tính quy luật vốn có của hiện tượng đó trong những điều kiện, địa điểm và thời gian cụ thể. Ví dụ, khi xem xét tổ chức bộ máy nhà nước như là một tổng thể thống kê, tức coi các tổ chức con cấu thành tổ chức bộ máy nhà nước đó là những yếu tố. Nhưng ngay chính các tổ chức con của bộ máy nhà nước cũng tạo nên một tổng thể thống kê nếu chúng ta nghiên cứu các yếu tố riêng lẻ tạo nên tổ chức đó như: nhiệm vụ, quyền hạn; cơ cấu tổ chức; nguồn nhân lực, nguồn tài chính.

Khi nghiên cứu mức lương trung bình của cán bộ, công chức trong một bộ, hay Học viện Hành chính thì toàn bộ cán bộ, công chức và viên chức của bộ hay Học viện Hành chính tạo nên một tổng thể thống kê.

Trên thực tế có rất nhiều tổng thể thống kê tùy theo cách phân loại, sử dụng.

- Tổng thể đồng chất bao gồm những đơn vị có cùng chung những đặc điểm chủ yếu có liên quan đến mục đích nghiên cứu.

- Tổng thể không đồng chất bao gồm những đơn vị khác nhau về loại hình, khác nhau về những đặc điểm chủ yếu có liên quan đến mục đích nghiên cứu.
- Tổng thể thống kê trực quan là những tổng thể có thể dễ dàng nhìn thấy và đo lường được những số liệu cụ thể. Ví dụ: số sinh viên nam/nữ tại Học viện Hành chính ở những thời điểm cụ thể. Tập hợp sinh viên theo tiêu chí nam/nữ có thể coi như một tổng thể thống kê trực quan.
- Tổng thể thống kê tiềm ẩn là những tổng thể thống kê mà khi đo chúng bằng những tiêu chí khó có thể đo lường được. Cũng là tổng thể thống kê là sinh viên Học viện Hành chính, nhưng khi xem xét theo tiêu chí ham thích bóng đá, âm nhạc lại khó đo lường được mà phải thông qua những điều tra, khảo sát.
- Tổng thể thống kê tổng quát: là tập hợp tất cả các yếu tố thuộc ngành, lĩnh vực nghiên cứu. Ví dụ: nghiên cứu cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước và tổ chức chính trị và chính trị - xã hội là một tổng thể thống kê tổng quát khi bàn về cán bộ, công chức;
- Tổng thể thống kê cụ thể: là từng yếu tố cấu thành nên tổng thể thống kê tổng quát được tách ra để nghiên cứu. Ví dụ, tách hẳn hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước ra khỏi hệ thống thực thi quyền hành pháp để nghiên cứu.

Cách phân loại tổng thể thống kê theo trực quan và tiềm ẩn, cũng như việc phân loại tổng thể thống kê theo bốn nhóm kể trên cũng mang tính tương đối. Và có thể một tổng thể thống kê nằm ở ở phân loại cụ thể tùy theo tiêu chí được sử dụng để nghiên cứu. Ví dụ, lương trả cho mọi loại công chức hiện nay đều theo quy định chung, giống nhau theo thang bảng lương ngạch bậc. Do đó, nếu xem xét tiêu chí lương, thì tất cả công chức tạo nên tổng thể thống kê đồng nhất ^[4].

⁴ Nghị định 204/2004 về thang bảng lương cán bộ, công chức

Trao đổi: Tìm kiếm các loại tổng thể thống kê theo các nhóm trên và tự rút thêm nhận xét, quan niệm của mình về tổng thể thống kê nói chung và các đặc trưng của tổng thể thống kê lựa chọn.

1.3.3. Đơn vị tổng thể thống kê.

Giống như cách phân chia đơn vị trong cơ cấu tổ chức (đơn vị con nằm trong tổ chức lớn), đơn vị tổng thể thống kê là yếu tố nhỏ nhất không phân chia được của một tổng thể thống kê. Tùy theo mức độ khác nhau của tiêu chí sử dụng, các đơn vị tổng thể thống kê được chia theo nhiều cấp độ khác nhau.

Ví dụ: trong bộ máy hành chính nhà nước, mỗi một tổ chức cấu thành nên bộ máy hành chính nhà nước (bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, ủy ban nhân dân các cấp) được coi là một đơn vị tổng thể khi chúng ta nghiên cứu thống kê ở tầm vĩ mô, các chức năng, nhiệm vụ tổng quát. Nhưng khi nghiên cứu thống kê của một bộ, cơ quan ngang bộ, thì đơn vị tổng thể thống kê có thể là các tổng cục, cục, viện sẽ tạo nên các đơn vị tổng thể thống kê. Các cục, tổng cục, viện là những đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu.

Đối với Ủy ban Nhân dân các cấp cũng có thể tiếp cận phân chia thành các bộ phận khác nhau và mỗi bộ phận đó tạo nên một đơn vị tổng thể thống kê.

Việc quy định đơn vị tổng thể thống kê mang tính tương đối tùy thuộc vào mục đích nghiên cứu.

Xác định đơn vị tổng thể là việc cụ thể hóa tổng thể. Đơn vị tổng thể là điểm của quá trình nghiên cứu các tổng thể thống kê.

Việc xác định cụ thể tổng thể thống kê hay đơn vị tổng thể thống kê sẽ giúp chúng ta tiến hành hoạt động thống kê thích ứng vì khi cần thu thập các loại số liệu liên quan đến tổng thể thống kê hay đơn vị tổng thể thống kê phụ thuộc rất lớn vào bản chất và sự tương đồng của tổng thể thống kê hay đơn vị tổng thể thống kê.

Trao đổi: Hiểu rõ hơn tính tương đối của đơn vị tổng thể thống kê và đưa ra các ví dụ để nhận xét và rút ra ý nghĩa của việc sử dụng tổng thể thống kê và đơn vị tổng thể thống kê. Lấy lớp học làm tổng thể thống kê, xây dựng lựa chọn các đơn vị tổng thể thống kê thích ứng.

1.3.4. Tiêu chí và tiêu thức thống kê

Trong nghiên cứu thống kê, thuật ngữ tiêu thức, tiêu chí và sau này chỉ tiêu có thể sử dụng không rõ ràng và có thể thay thế nhau.

Nhiều tài liệu học thống kê, sử dụng cụm từ “tiêu thức”; trong khi đó, một số loại thống kê lại sử dụng cách tiếp cận tiêu chí. Và ngay trong pháp luật Việt Nam, thuật ngữ tiêu chí lại sử dụng để giải thích với cụm từ “chỉ tiêu”.

Không có định nghĩa cụ thể thuật ngữ tiêu chí. Mỗi một lĩnh vực nghiên cứu, khi xem xét một sự kiện, hiện tượng hay vấn đề của xã hội cũng thường đưa ra một nhóm các tiêu chí. Ví dụ: tiêu chí xây dựng nông thôn mới ban hành kèm theo quyết định của Thủ tướng chính phủ; tiêu chí sử dụng để thẩm định, đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học (luận văn, luận án, đề án, v.v.). Hay nhiều nhà thiết kế trang web, thường được nhà sử dụng quan tâm, đánh giá theo một số tiêu chí cụ thể.

Tiêu chí, cũng có thể là những quy định nhằm nghiên cứu những đặc điểm nổi trội của một hiện tượng, sự vật hay đơn vị tổng thể thống kê hoặc tổng thể thống kê.

Mỗi một hiện tượng, sự vật có thể có những đặc điểm khác nhau và có thể lựa chọn một số tiêu chí để phản ánh đặc trưng, đặc điểm đó.

Trong một số tài liệu khoa học thống kê, sử dụng tiêu thức thống kê. Có nhiều cách tiếp cận đến khái niệm “tiêu thức”.

Tiêu thức có thể hiểu là những đặc điểm, đặc trưng cấu thành nên sự kiện, sự vật, đơn vị tổng thể thống kê hay tổng thể thống kê.

Mỗi một đơn vị tổng thể thống kê hay tổng thể thống kê có nhiều đặc trưng, đặc điểm và do đó có nhiều tiêu thức thống kê khác nhau. Số liệu

tiêu thức (các đặc điểm, đặc trưng, v.v.) phụ thuộc vào mục đích nghiên cứu. Thông thường chỉ có thể lựa chọn một số tiêu thức cụ thể để điều tra, tổng hợp và phân tích nhằm cung cấp thông tin cho hoạt động quản lý.

Theo cách quan niệm trên, tiêu thức và tiêu chí thống kê có thể sử dụng thay thế cho nhau. Ví dụ: tiêu thức hay tiêu chí học vấn (trình độ bằng cấp) đối với nguồn nhân lực trong tổ chức có thể là một đặc điểm quan tâm của hoạt động quản lý nguồn nhân lực. Và các nhà thống kê sẽ thu thập, điều tra, phân tích và đánh giá theo tiêu thức hay tiêu chí “học vấn”.

Tiêu thức có thể được phân thành hai nhóm: tiêu thức lượng và tiêu thức tính (định tính).

- Tiêu thức lượng là những đặc trưng, đặc điểm của đơn vị tổng thể thống kê có thể cân, đo, đếm được bằng những con số cụ thể. Ví dụ, trong cơ quan nhà nước có thể thống kê được số lượng cán bộ, công chức (số người); độ tuổi từ 25-35 là bao nhiêu. Nhiều tiêu thức lượng được đo bằng những đơn vị đo khác nhau.
- Tiêu thức tính: là những đặc điểm mang tính mô tả, theo phương án. Ví dụ: giới tính thì chỉ có thể hai phương án: nam và nữ; tình trạng hôn nhân: có vợ chồng hay độc thân (bao gồm cả những người đã có gia đình, nhưng đã ly hôn).

Trên thực tế, hai tiêu thức lượng và tính chất phân chia cũng mang tính tương đối. Khi bàn về tiêu chí giới tính, nếu thống kê theo nguyên tắc có bao nhiêu người nam và bao nhiêu nữ, thì lại là phép đo được.

Khi xem xét, đo lường nhiều tiêu thức định tính, có thể chỉ có hai biểu hiện không trùng nhau trên một đơn vị tổng thể. Ví dụ: hoặc nam hoặc nữ trong nguồn nhân lực không có phương án thứ ba. Hoặc nếu nghiên cứu để khen thưởng thì cũng có thể chỉ có khen hay không khen.

Do đó, tìm kiếm và xây dựng các tiêu thức thống kê là công việc cần quan tâm. Đặc biệt khi tổng thể thống kê là tổ chức (nhà nước hay tư nhân), lựa chọn các tiêu thức để phản ánh những đặc điểm của tổ chức đó là điều cần thiết

Khi nghiên cứu tiêu thức (tiêu chí) phản ánh đặc điểm của tổng thể thống kê, có thể nhìn thấy rõ các tiêu thức đó luôn không đổi. Sự thay đổi này có thể theo thời gian; sự thay đổi có thể theo không gian; và khi xem xét cũng có thể thay đổi cả số lượng và chất lượng theo thời gian và không gian.

Do đó, trong hoạt động thống kê, để đo lường các tiêu thức đó có thể xem xét cả khía cạnh chất lượng, số lượng, không gian và thời. Ví dụ: học vấn của người lao động làm việc trong tổ chức có thể thay đổi theo thời gian làm việc của họ.

Tiêu thức hay tiêu chí để xem xét đặc trưng, đặc điểm của tổng thể thống kê và do đó có thể sử dụng nó để phân biệt các đơn vị tổng thể thống kê hat tổng thể thống kê.

Trao đổi: Dựa vào khái niệm tiêu thức, tiêu chí để tự xây dựng tiêu thức, tiêu chí đánh giá học viên, giảng viên. Hãy đưa ra một số tiêu chí để có thể đánh giá các lĩnh vực quan tâm đối với học viên và giảng viên.

1.3.5. Chỉ tiêu thống kê (gọi tắt là chỉ tiêu)

Thuật ngữ chỉ tiêu trong thống kê nói chung và thống kê nhân sự của tổ chức nói riêng được hiểu khác với thuật ngữ chỉ tiêu được sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác. Ngay cả trong thống kê, khi sử dụng thuật ngữ chỉ tiêu cũng cần chú ý.

Trong nghiên cứu thống kê không chỉ phản ánh lượng và chất của hiện tượng kinh tế xã hội cá biệt mà còn phản ánh và chất của hiện tượng kinh tế xã hội số lớn trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể. Tính chất của các hiện tượng cá biệt được khái quát hóa trong chỉ tiêu thống kê. Do đó chỉ tiêu chỉ ra những mối quan hệ cần thiết, cái chung của tất cả các đơn vị hoặc của nhóm đơn vị. Ngoài ra chỉ tiêu còn phản ánh các mối quan hệ tồn tại khách quan, nhưng cũng không tự bộc lộ ra để hiểu trực tiếp là mối quan hệ. Phải điều tra mặt lượng của đơn vị cá biệt và từ đó phát hiện ý nghĩa theo số lượng của mối quan hệ bằng chỉ tiêu.

Chỉ tiêu thống kê có hai mặt: tiêu chí và con số. Tiêu chí của chỉ tiêu bao gồm định nghĩa và giới hạn về thực thể, thời gian và không gian của hiện tượng kinh tế xã hội. Mặt này chỉ rõ nội dung của chỉ tiêu thống kê. Con số của chỉ tiêu là trị số được phát hiện với đơn vị tính toán phù hợp. Nó nêu lên mức độ của chỉ tiêu. Theo nội dung, chỉ tiêu biểu hiện quy mô, cơ cấu, sự phát triển và mối quan hệ của hiện tượng số lớn trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể.

Căn cứ vào nội dung có thể chia các chỉ tiêu thống kê thành hai loại: khối lượng và chất lượng. Chỉ tiêu khối lượng biểu hiện quy mô của tổng thể như số cán bộ công nhân viên, số máy điện thoại, khối lượng sản phẩm dịch vụ. Chỉ tiêu chất lượng biểu hiện trình độ phổ biến, mối quan hệ của tổng thể như giá thành sản phẩm dịch vụ. Việc phân loại này nhằm đáp ứng yêu cầu của một số phương pháp phân tích thống kê.

Trong Luật thống kê, chỉ tiêu thống kê được định nghĩa là “.....biểu hiện bằng số của nó phản ánh quy mô, tốc độ phát triển, cơ cấu, quan hệ tỷ lệ của hiện tượng kinh tế - xã hội trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể” [5].

Tập hợp tất cả các chỉ tiêu thống kê tạo nên hệ thống chỉ tiêu thống kê. *Hệ thống chỉ tiêu thống kê* là tập hợp những chỉ tiêu thống kê do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và *Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia* là tập hợp những chỉ tiêu thống kê phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước.

Tuy nhiên, thuật ngữ chỉ tiêu chưa phản ánh đúng nội hàm của các vấn đề quan tâm trong hệ thống đó. Trong một số tài liệu, thuật ngữ “chỉ tiêu” nhằm chỉ một chỉ số xác định cụ thể được đặt ra để thực hiện. ví dụ chỉ tiêu tăng trưởng GDP hàng năm phải đạt trên 7%.

⁵ Luật thống kê 2003

Một số niên giám thống kê của một số nước cũng ít khi sử dụng thêm thuật ngữ chỉ tiêu. Ví dụ, niên giám thống kê của Canada không sử dụng chỉ tiêu mà chia thành 31 lĩnh vực quan tâm xem xét về thống kê. Một số lĩnh vực như trẻ em và thanh niên; xây dựng hay chính phủ được đặt ra để thống kê. Và trên mỗi lĩnh vực đó có thể chia thành nhiều lĩnh vực khác^[6].

Trong điều kiện Việt Nam, hệ thống chỉ tiêu thống kê cũng được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu sử dụng số liệu, thông tin thống kê. Hệ thống chỉ tiêu thống kê hiện hành bao gồm 350 chỉ tiêu trên các lĩnh vực của kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, hệ thống chỉ tiêu này đang ở trong giai đoạn tiếp tục hoàn thiện ^[7]

Trao đổi: Phân biệt chỉ tiêu theo nghĩa được sử dụng trong công tác kế hoạch hóa và đăng ký thi đua với khái niệm chỉ tiêu đã nêu trên trong khoa học thống kê.

1.4.Thang đo trong thống kê

1.4.1.Thang đo định danh (hay là đặt tên)

Thang đo định danh là đánh số các biểu hiện cùng loại của một tiêu thức. Ví dụ giới tính biểu hiện “nam” được đánh số 1 và nữ đánh số 2. Giữa các con số ở đây không có quan hệ hơn, kém. Cho nên các phép tính với chúng đều vô nghĩa. Loại thang đo này dùng để đếm tần số của biểu hiện tiêu thức.

1.4.2.Thang đo thứ bậc

Đó là cách các biểu hiện tiêu thức có quan hệ thứ bậc, hơn, kém. Sự chênh lệch giữa các biểu hiện không nhất thiết phải bằng nhau, như huân

⁶ Canada Year Book, 2011

⁷ Quyết định 43/2010/QĐ-TTg về hệ thống chỉ tiêu quốc gia và Quyết định 312/QĐ-TTg (12-08-2010) về đổi mới hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.